

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHƯƠNG ÁN

KHAI THÁC TẬN DỤNG GỖ LOÀI THỰC VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG TỪ  
RỪNG TỰ NHIÊN TRÊN DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG  
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NÓI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH NHÁNH ĐÔNG  
VỚI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH NHÁNH TÂY, TỈNH QUẢNG TRỊ - NĂM 2024

ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ LƯU VỰC SÔNG BÉN HẢI

Địa điểm: Tại tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh;  
tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Đơn vị tư vấn lập phương án

TRUNG TÂM ĐIỀU TRA QUY HOẠCH THIẾT KẾ NÔNG-LÂM TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: **2337** /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **27** tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị gỗ rừng của Ban quản lý rừng  
phòng hộ lưu vực sông Bến Hải

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 400/LĐ-QĐ ngày 26/4/1982 của Bộ Lâm nghiệp ban hành tạm thời định mức lao động khai thác lâm sản;

Căn cứ Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 448/TTr-STC ngày 25/9/2024,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị khai thác gỗ rừng bằng loài thực vật rừng thông thường của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải như sau:

1. Diện tích rừng có trữ lượng khai thác tận dụng: 14,119 ha (địa điểm khai thác: Tiểu khu 580, xã Vĩnh Ó, huyện Vĩnh Linh; Tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh).

2. Tổng giá trị dự kiến lâm sản của toàn bộ 14,119 ha có rừng đưa vào khai thác sau khi trừ đi chi phí khai thác, vận xuất, vận chuyển, luống phát (làm tròn): 5.888.510.000 đồng (Năm tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, năm trăm mười ngàn đồng).

Mức giá trên là giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Giao Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải tổ chức bán đấu giá gỗ rừng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ, phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT TT Hà Sỹ Đồng;
- CVP, Phó CVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT, TCTM. *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đồng**

(Có Phương án Khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án kèm theo).

2.7. Dự toán chi phí và giá trị cây đứng: Sẽ được lập và trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt sau khi Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt phương án khai thác tận dụng.

### 3. Tài liệu gửi kèm

- Bản chính: 1) Phương án Khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị - năm 2024; 2) Các bảng biểu tính toán số liệu; 3) Bản đồ thiết kế khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng - năm 2024.

- Bản sao: 1) Văn bản số 1217/TTg-NN ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị; 2) Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị.

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị xem xét phê duyệt phương án./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục Kiểm lâm;
- TT Điều tra QHTKNL tỉnh;
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Ngọc Hùng**

Số: 139/BC-CCKL

Quảng Trị, ngày 28 tháng 6 năm 2024

### BÁO CÁO

**Kết quả kiểm tra hồ sơ, hiện trường Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024**

**Đơn vị chủ rừng: Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 424/2016/QĐ-SNN ngày 25/8/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị;

Căn cứ Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 85/KL-ĐN ngày 8/6/2023 của Cục Kiểm lâm (được ủy quyền của Bộ Nông nghiệp và PTNT) về việc trả lời Văn bản số 1891/UBND-KT ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Văn bản số 3479/UBND-KT ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc lập hồ sơ phương án khai thác thực vật thông thường theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;

Căn cứ Văn bản số 744/SNN-KHTC ngày 13/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị về việc lập phương án khai thác gỗ loài thực vật thông thường từ rừng tự nhiên,

Căn cứ Văn bản số 1503/SNN-KHTC ngày 16/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, hiện trường Phương án khai thác thực vật thông thường;

Căn cứ Tờ trình số 171/TTr-BQL ngày 06/6/2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải về việc đề nghị phê duyệt Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024; hồ sơ Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải và kết quả kiểm tra hồ sơ, hiện trường phương án;



Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả kiểm tra hiện trường, hồ sơ phương án như sau:

**1. Tên phương án:** Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyên mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024.

**2. Đơn vị chủ rừng:** Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải.

**3. Đơn vị tư vấn lập phương án:** Trung tâm Điều tra, quy hoạch, thiết kế nông-lâm Quảng Trị.

**4. Căn cứ xây dựng phương án**

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Trị đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 1217/TTg-NN ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị;

- Văn bản số 85/KL-ĐN ngày 8/6/2023 của Cục Kiểm lâm (được ủy quyền của Bộ Nông nghiệp và PTNT) về việc trả lời Văn bản số 1891/UBND-KT ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị;

- Văn bản số 3479/UBND-KT ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc lập hồ sơ phương án khai thác thực vật thông thường theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;

- Văn bản số 744/SNN-KHTC ngày 13/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị về việc lập phương án khai thác gỗ loài thực vật thông thường từ rừng tự nhiên,

Và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

**5. Đối tượng:** Khu vực đưa vào lập Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyên mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải thuộc đối tượng rừng tự nhiên đã được UBND tỉnh Quảng Trị chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ

Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.

#### 6. Địa danh, diện tích khai thác

- Địa danh khai thác: Khu vực rừng tự nhiên đưa vào lập Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải thuộc tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh và tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Diện tích khai thác: Căn cứ hồ sơ Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải đã lập, diện tích rừng rừng tự nhiên có trữ lượng khai thác tận dụng là 14,1190 ha (gồm: 13,7001 ha rừng tự nhiên quy hoạch phòng hộ và 0,4189 ha rừng tự nhiên quy hoạch rừng sản xuất đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương CMĐSDR để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị tại Văn bản số 1217/TTg-NN ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và được UBND tỉnh Quảng Trị quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024).

7. Sản lượng dự kiến khai thác: Căn cứ hồ sơ Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải đã lập, sản lượng dự kiến đưa vào khai thác được xác định như sau:

Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng: 2.845,619 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 2.408,172 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 1.618,083 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 790,089 m<sup>3</sup>); củi: 437,447 m<sup>3</sup>, trong đó:

+ Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 3: 436,239 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 366,059 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 244,215 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 121,844 m<sup>3</sup>); củi: 70,180 m<sup>3</sup>.

+ Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 4: 112,558 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 98,394 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 67,202 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 31,192 m<sup>3</sup>); củi: 14,164 m<sup>3</sup>.

+ Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 5: 1.192,594 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 993,580 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 668,954 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 324,626 m<sup>3</sup>); củi: 199,014 m<sup>3</sup>.

+ Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 6: 299,053 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 262,241 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 180,348 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 81,893 m<sup>3</sup>); củi: 36,812 m<sup>3</sup>.



+ Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 7: 513,909 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 450,999 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 286,177 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 164,822 m<sup>3</sup>); củi: 62,910 m<sup>3</sup>.

+ Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 8: 291,266 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 236,899 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 171,187 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 65,712 m<sup>3</sup>); củi: 54,367 m<sup>3</sup>.

**8. Dự kiến đường vận xuất, vận chuyển:** Căn cứ hồ sơ Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải đã lập, cự ly vận xuất và vận chuyển được xác định như sau:

- Cự ly vận xuất: Cự ly vận xuất bình quân chung từ các lô rừng ra bãi gom gỗ (dự kiến) chung cho toàn bộ khu vực thiết kế khai thác khoảng 0,3 km.

- Cự ly vận chuyển: Cự ly vận chuyển đường bộ tính bình quân cho toàn bộ khu rừng tại tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh và tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh ra đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (ngã tư, thị trấn Bến Quan) khoảng: 41 km, gồm 14 km đường đất (*trên loại 5*), 21 km đường nhựa liên xã (*xếp loại 4*) và 06 km đường nhựa (*xếp loại 3*).

### **9. Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng**

- Thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng, thực hiện các biện pháp kiểm tra không để người không có phận sự vào khu vực rừng tự nhiên khai thác tận dụng gây phá hoại, có biện pháp xử lý kịp thời và dứt điểm đối với những trường hợp vi phạm.

- Tại khu vực đưa vào khai thác tận dụng và khu vực lân cận có rừng trồng, rừng tự nhiên xung quanh nên chủ rừng và đơn vị khai thác phải đặc biệt chú ý canh giữ lửa rừng và thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc về phòng cháy chữa cháy rừng; trường hợp có cháy rừng xảy ra phải kịp thời cứu chữa và báo cáo ngay cho cơ quan chức năng để chữa cháy.

### **10. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác**

Diện tích rừng tự nhiên đưa vào khai thác gỗ thuộc phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải để giải phóng mặt bằng thực hiện thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị nên sau khai thác không thực hiện trồng lại rừng trên các diện tích này.

### **11. Một số giải pháp khác có liên quan**

- Khai thác toàn bộ số cây gỗ loài thực vật rừng thông thường trên diện tích đưa vào phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường



nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải khi được cấp có thẩm quyền cho phép; khi chặt cây phải mở miệng cho đổ vào phía trong để không ảnh hưởng đến khu rừng ngoài phạm vi khai thác và không được khai thác ra ngoài diện tích thiết kế lập phương án khai thác. Trong quá trình khai thác, đơn vị chủ rừng phải cập nhật tiến độ về diện tích, khối lượng khai thác và thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng gửi đến Hạt Kiểm lâm Gio Linh, Hạt Kiểm lâm Vĩnh Linh để tổng hợp theo dõi.

- Giao Hạt Kiểm lâm Gio Linh, Hạt Kiểm lâm Vĩnh Linh kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc khai thác theo hồ sơ Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải khi được cấp có thẩm quyền cho phép. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát việc khai thác về Chi cục Kiểm lâm trước ngày 28 hàng tháng để tổng hợp theo dõi.

## **12. Kết luận, kiến nghị**

- Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải đã lập đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và các Văn bản hướng dẫn có liên quan; Phương pháp tính toán tại hồ sơ phương án khai thác về thể tích cây đứng phù hợp với quy định hiện hành; Đối tượng, địa danh của khu vực dự kiến khai thác tại hồ sơ phương án khai thác là phù hợp với thực địa hiện trường.

- Đối với số liệu về diện tích, trữ lượng/sản lượng rừng khai thác tận dụng, cự ly vận xuất, vận chuyển và cấp thực bì của lâm phần đã được điều tra, khảo sát, thiết kế và xác lập tại hồ sơ phương án khai thác tận dụng phục vụ định giá cây đứng của lâm phần, chủ rừng và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về kết quả đã xác định; trình Sở Tài chính thẩm định giá trị đối với lâm phần đưa vào lập phương án khai thác.

- Hồ sơ phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải trình đã được thực hiện theo quy định hiện hành, đảm bảo điều kiện để Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt.

Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ, hiện trường phương án và kính đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét phê duyệt phương án./.

(Văn bản này thay thế Văn bản số 120/BC-CCKL ngày 13/6/2024 của Chi cục Kiểm lâm)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó GD Sở phụ trách Chi cục (b/c);
- Hạt Kiểm lâm Gio Linh;
- Hạt Kiểm lâm Vĩnh Linh;
- Ban quản lý RPH LV sông Bến Hải;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Văn Ngọc Thắng**

# CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ, HIỆN TRƯỜNG

Phương án Khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024.

Đơn vị chủ rừng: Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải

### I. THỜI GIAN KIỂM TRA

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trường Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải.

### II. THÀNH PHẦN THAM GIA

#### 1. Đại diện Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị

- |                       |                                       |
|-----------------------|---------------------------------------|
| - Ông: Nguyễn Việt Tú | Chức vụ: Chuyên viên phòng SD&PTR     |
| - Ông: Trần Lữ Hồng   | Chức vụ: Trạm trưởng Trạm KL Cầu Treo |

#### 2. Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải

- |                         |                                   |
|-------------------------|-----------------------------------|
| - Ông: Hoàng Duy Quang  | Chức vụ: Phó Giám đốc             |
| - Ông: Nguyễn Công Diễm | Chức vụ: P.Trưởng phòng QL BVR-KT |

#### 4. Đại diện Trung tâm Điều tra Quy hoạch thiết kế nông lâm Q.Trị

- |                        |                                 |
|------------------------|---------------------------------|
| - Ông: Lê Công Nam     | Chức vụ: Giám đốc               |
| - Ông: Nguyễn Như Tuấn | Chức vụ: PTP Điều tra QH - CNCT |

### III. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

Căn cứ Văn bản số 1503/SNN-KHTC ngày 16/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, hiện trường Phương án khai thác thực vật thông thường;

Căn cứ Tờ trình số 171/TTr-BQL ngày 06/6/2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải về việc đề nghị phê duyệt Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị năm 2024 và hồ sơ phương án khai thác tận dụng kèm theo. Đoàn tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trường Phương án khai thác với các nội dung như sau:

#### 1. Về căn cứ pháp lý lập phương án

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;
- Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị;

- Văn bản số 85/KL-ĐN ngày 8/6/2023 của Cục Kiểm lâm (được ủy quyền của Bộ Nông nghiệp và PTNT) về việc trả lời Văn bản số 1891/UBND-KT ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị;

- Văn bản số 3479/UBND-KT ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc lập hồ sơ phương án khai thác thực vật thông thường theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;

Và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

## **2. Về kiểm tra hiện trường**

Đoàn kiểm tra đã thống nhất tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên tại các lô 1 (4,4498 ha), khoảnh 1; lô 1 (0,3531 ha), khoảnh 3, tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh; lô 1 (0,2803 ha), khoảnh 10, tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Qua kiểm tra tại hiện trường, đoàn kiểm tra nhận thấy đơn vị tư vấn đã thực hiện các phương pháp làm cơ sở đánh giá trữ, sản lượng rừng gồm: Thực hiện đo đếm toàn diện, đánh dấu sơn số cây trên các lô 1 (0,3531 ha), khoảnh 3, tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh và lô 1 (0,2803 ha), khoảnh 10, tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; Thực hiện lập và đo đếm, đánh dấu sơn số cây của 3 ô tiêu chuẩn (diện tích 1.000 m<sup>2</sup>/ôtc) trên lô 1(4,4498 ha), khoảnh 1, tiểu khu 600T, xã Linh Trường.

Việc thực hiện các phương pháp trên làm cơ sở đánh giá trữ, sản lượng rừng của lô rừng là phù hợp với nội dung thuyết minh phương pháp điều tra đo đếm tại hồ sơ phương án khai thác đã lập và phù hợp hướng dẫn tại Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

## **3. Về phương pháp tính toán của hồ sơ phương án**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, hồ sơ phương án đã áp dụng phương pháp tính toán thể tích cây đứng thông qua công thức:  $V = G \times H_{vn} \times f$  (với G: Tiết diện ngang của cây tại vị trí 1,3m =  $(D_{1,3}/2)^2 \times 3,14$ ;  $H_{vn}$ : Chiều cao vút ngọn của cỡ kính; f: hình số, độ thon = 0,45) là phù hợp theo quy định hiện hành.

Căn cứ vào hoạt động khai thác, chế biến thực tế của chủ rừng, chủ lâm sản, thị trường thu mua gỗ và lâm sản trên địa bàn tỉnh, đối với các chỉ tiêu về sản lượng gỗ (gỗ gia dụng, gỗ nguyên liệu), củi: Chủ rừng và đơn vị tư vấn đã phối hợp để thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả xác định chi tiết sản lượng gỗ (gỗ gia dụng, gỗ nguyên liệu), củi theo từng cấp kính trong từng lô rừng trên cơ sở kết quả phân tích và đo đếm thực tế các cây theo phẩm chất.

## **4. Về đối tượng, địa danh khai thác**

- Đối tượng: Khu vực đưa vào lập Phương án khai thác tận dụng thuộc đối tượng rừng tự nhiên đã được UBND tỉnh Quảng Trị chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện dự án Đường nội đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.

- Địa danh khai thác: Qua kiểm tra đối chiếu bản đồ quản lý thuộc lĩnh vực theo dõi, khu vực rừng tự nhiên đưa vào lập Phương án khai thác tận dụng thuộc tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh và tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị phù hợp với hồ sơ phương án khai thác đã được lập.

### 5. Đánh giá chung, kiến nghị

Hồ sơ Phương án Khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị - năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải đã lập phù hợp theo hướng dẫn của Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và các Văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

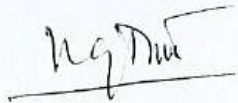
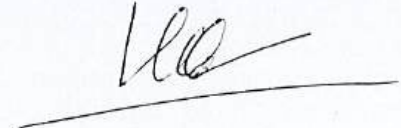
Biên bản được các bên cùng thống nhất thông qua và ký tên./.

Đại diện

**CHI CỤC KIỂM LÂM**

**CHUYÊN VIÊN PHÒNG  
SD&PTR**

**TRẠM TRƯỞNG TRẠM KIỂM LÂM  
CÀU TRÉO**

**Nguyễn Việt Tú**

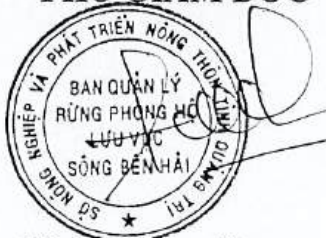
**Trần Lữ Hồng**

Đại diện

**BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ  
LƯU VỰC SÔNG BẾN HẢI  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại diện

**TRUNG TÂM ĐIỀU TRA  
QUY HOẠCH THIẾT KẾ NÔNG-LÂM  
GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Duy Quang**



**Lê Công Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**

**ĐỊA DANH, DIỆN TÍCH, KHỐI LƯỢNG LÂM SẢN DỰ KIẾN KHAI THÁC TẬN DỤNG GỖ LOÀI THỰC VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG TỪ RỪNG TỰ NHIÊN TRÊN DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NÓI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH NHÁNH ĐÔNG VỚI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH NHÁNH TÂY, TỈNH QUẢNG TRỊ - NĂM 2024**  
(Theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**1. Thông tin chung**

- Tên chủ rừng: Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải.
- Địa chỉ: Trần Hưng Đạo, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Diện tích khai thác: 14,1190/14,1190 ha.
- Thời gian khai thác: Năm 2024.

**2. Nội dung**

Địa danh					Diện tích		Trạng thái	Số cây	D <sub>1.3tb</sub> (cm)	H <sub>vntb</sub> (m)	Sản lượng gỗ dự kiến (m <sup>3</sup> )
Tiểu khu/Xã	Khoảnh	Lô theo HSC MĐS DR	Lô theo bản đồ CNDB R	Lô thiết kế khai thác	Diện tích thiết kế (ha)	Diện tích có trữ lượng khai thác (ha)					
580/Vĩnh Ô	10	6;8	21b	1	0,2803	0,2803	TXK	40	17,5	10,2	4,031
<i>Cộng xã</i>				<i>1 lô</i>	<i>0,2803</i>	<i>0,2803</i>		<i>40</i>			<i>4,031</i>
600T/Linh Trường	1	1	3c	1	4,4498	4,4498	TXG	4.868	20,2	12,3	1.170,328
		2	3a2	2	0,4094	0,4094	TXK	35	20,6	11,5	10,929
		3;4	2b2;3d 1	3	4,8680	4,8680	TXG	3.213	20,5	14,1	928,585
		5	1c	4	0,0345	0,0345	TXP	4	15,5	6,8	0,126
	3	2	2b1	1	0,3531	0,3531	TXK	114	11,9	10,0	4,264
		3	2b1	2	0,0243	0,0243	TXK	9	10,8	8,8	0,210
	4	1	1a2	1	0,0047	0,0047	TXK	5	11,0	9,0	0,131
		2;3	1a2;1b 1	2	0,6077	0,6077	TXK	101	13,6	10,1	8,607
		4	1c	3	1,5795	1,5795	TXN	119	25,4	15,4	74,271
		5	1c	4	0,1096	0,1096	TXK	16	18,7	9,6	1,785
		6;7	2a;3a1	5	1,3981	1,3981	TXB	341	25,5	14,4	204,905
<i>Cộng xã</i>				<i>11 lô</i>	<i>13,8387</i>	<i>13,8387</i>		<i>8.825</i>			<i>2.404,141</i>
<b>Tổng cộng</b>				<b>12 lô</b>	<b>14,1190</b>	<b>14,1190</b>		<b>8.865</b>			<b>2.408,172</b>

Ghi chú: D<sub>1,3tb</sub>: Đường kính trung bình; H<sub>mtb</sub>: Chiều cao trung bình, TXG: Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh giàu; TXB: Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh trung bình; TXN: Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh nghèo; TXK: Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt; TXP: Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh chưa có trữ lượng

Vĩnh Linh, ngày 06 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tư vấn lập Phương án  
TRUNG TÂM ĐIỀU TRA QHTK NÔNG-LÂM QT  
GIÁM ĐỐC



Lê Công Nam

Đơn vị Chủ rừng  
BAN QUẢN LÝ RPH LƯU VỰC SÔNG BẾN HẢI  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Duy Quang

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---o0o---

**BIÊN BẢN BÀN GIAO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT  
LẬP PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TẬN DỤNG GỖ LOÀI THỰC VẬT RỪNG THÔNG  
THƯỜNG TỪ RỪNG TỰ NHIÊN TRÊN DIỆN TÍCH MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG  
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NỐI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH NHÁNH ĐÔNG  
VỚI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH NHÁNH TÂY, TỈNH QUẢNG TRỊ - NĂM 2024**

**ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ LƯU VỰC SÔNG BẾN HẢI**

Hôm nay, ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, đại diện các bên gồm có:

**1. Đơn vị TV lập PA: Trung tâm Điều tra, QHTK nông-lâm Quảng Trị**

- |                        |                         |
|------------------------|-------------------------|
| - Ông: Lê Công Nam     | - Giám đốc              |
| - Ông: Nguyễn Như Tuấn | - Phó phòng ĐTQH - CNCT |

**2. Đơn vị chủ rừng: Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải**

- |                         |                                      |
|-------------------------|--------------------------------------|
| - Ông: Hoàng Duy Quang  | Chức vụ: P Giám đốc                  |
| - Ông: Trần Quang Long  | Chức vụ: TP. QLBR & KT               |
| - Ông: Hoàng Ngọc Anh   | Chức vụ: TP. Kế hoạch - Tổng hợp     |
| - Ông: Nguyễn Công Diễm | Chức vụ: P.TP QLBR & KT              |
| - Ông: Nguyễn Thanh Hải | Chức vụ: Tr.Trạm QLBR TK 604         |
| - Ông: Nguyễn Đăng Quốc | Chức vụ: P.Trạm QLBR Vĩnh Hà-Vĩnh Ô  |
| - Ông: Nguyễn Anh Tuấn  | Chức vụ: VC Trạm QLBR Vĩnh Hà-Vĩnh Ô |
| - Ông: Nguyễn Văn Hải   | Chức vụ: VC Trạm QLBR Vĩnh Hà-Vĩnh Ô |
| - Ông: Văn Đức Thuận    | Chức vụ: VC Trạm QLBR TK 604         |
| - Ông: Nguyễn Tất Thành | Chức vụ: VC Trạm QLBR TK 604         |
| - Ông: Trần Lê Thành    | Chức vụ: VC Phòng KH -TH             |

**NỘI DUNG**

Căn cứ Hợp đồng tư vấn điều tra khảo sát lập hồ sơ Khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị - năm 2024 và kết quả điều tra khảo sát thực tế tại hiện trường của Trung tâm, các bên thống nhất bàn giao kết quả điều tra, khảo sát công trình như sau:

**1. Khối lượng**

- a) Diện tích rừng có trữ lượng khai thác tận dụng: 14,1190 ha.
- b) Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng: 8.865 cây, trong đó:
  - + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 3: 1.084 cây.
  - + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 4: 386 cây.



- + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 5: 3.378 cây.
- + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 6: 898 cây.
- + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 7: 2.401 cây.
- + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 8: 718 cây.
- c) Tổng trữ lượng dự kiến khai thác: 3.242,495 m<sup>3</sup>, trong đó:
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 3: 488.365 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 4: 122,728 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 5: 1.341,152 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 6: 352,183 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 7: 605,391 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 8: 332,676 m<sup>3</sup>.
- d) Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng: 2.845,619 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 2.408,172 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 1.618,083 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 790,089 m<sup>3</sup>); củi: 437,447 m<sup>3</sup>, trong đó:
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 3: 436,239 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 366,059 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 244,215 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 121,844 m<sup>3</sup>); củi: 70,180 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 4: 112,558 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 98,394 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 67,202 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 31,192 m<sup>3</sup>); củi: 14,164 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 5: 1.192,594 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 993,580 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 668,954 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 324,626 m<sup>3</sup>); củi: 199,014 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 6: 299,053 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 262,241 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 180,348 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 81,893 m<sup>3</sup>); củi: 36,812 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 7: 513,909 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 450,999 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 286,177 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 164,822 m<sup>3</sup>); củi: 62,910 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 8: 291,266 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 236,899 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 171,187 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 65,712 m<sup>3</sup>); củi: 54,367 m<sup>3</sup>.

**2. Địa điểm và đối tượng khai thác:** Điều tra, khảo sát, đo đếm lập hồ sơ đúng địa điểm được chủ rừng chỉ dẫn trực tiếp ngoài thực địa tại các tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Toàn bộ diện tích 14,1190 ha là rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh đưa vào thiết kế khai thác năm 2024 thuộc đối tượng đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương CMĐSDR tại Văn bản số 1217/TTg-NN ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN**

**KHAI THÁC TẬN DỤNG GỖ LOÀI THỰC VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG TỪ RỪNG TỰ NHIÊN TRÊN DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NỐI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH NHÁNH ĐÔNG VỚI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH NHÁNH TÂY, TỈNH QUẢNG TRỊ - NĂM 2024**

**I. THÔNG TIN CHỦ RỪNG**

- 1. Tên chủ rừng:** Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải.
- 2. Mã số thuế doanh nghiệp:** 3200598632.
- 3. Địa chỉ chủ rừng:** Trần Hưng Đạo, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- 4. Số điện thoại:** 02333.623.700.

**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN, ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC ĐÍCH KHAI THÁC TẬN DỤNG GỖ LOÀI THỰC VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG TỪ RỪNG TỰ NHIÊN**

**1. Căn cứ xây dựng phương án**

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017.
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Văn bản số 1217/TTg-NN ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị;
- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;
- Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;
- Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phân định ranh giới rừng;
- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;



- Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

- Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 11565:2016 : Bản đồ hiện trạng rừng - Quy định về trình bày và thể hiện nội dung;

- Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 12619-2:2019 : Gỗ - Phân loại theo tính chất vật lý và cơ học;

- Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) quy định bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước;

- Quyết định số 400/QĐ-LĐ ngày 26/4/1982 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) về việc ban hành tạm thời định mức lao động khai thác lâm sản;

- Quyết định số 32/2005/QĐ-BGTVT ngày 16/5/2005 của Bộ Giao thông Vận tải ban hành quy định về xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ; Văn bản số 5787/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 22/9/2022 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Giao thông Vận tải về việc công bố xếp loại đường để tính cước vận tải đường bộ do Trung ương quản lý năm 2022;

- Văn bản số 85/KL-ĐN ngày 8/6/2023 của Cục Kiểm lâm, Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc trả lời Văn bản số 1891/UBND-KT ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị;

- Sổ tay Điều tra quy hoạch rừng của Viện Điều tra Quy hoạch rừng (Bộ Nông nghiệp và PTNT) do Nhà xuất bản Nông nghiệp xuất bản năm 1995;

- Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 10/2/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành bảng giá quy định giá tối thiểu các loại lâm sản bị tịch thu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc xếp loại đường để xác định giá cước vận tải đường bộ;

- Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị

- Văn bản số 3479/UBND-KT ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc lập hồ sơ phương án khai thác thực vật thông thường theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;

- Văn bản số 744/SNN-KHTC ngày 13/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị về việc lập phương án khai thác gỗ loài thực vật thông thường từ rừng tự nhiên.

## 2. Đối tượng

Đối tượng rừng đưa vào lập Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng năm

2024 là diện tích rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh quy hoạch rừng phòng hộ ( 13,7001 ha) và quy hoạch rừng sản xuất (0,4189 ha) hiện nay đang do Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải quản lý, bảo vệ.

Toàn bộ diện tích đưa vào khai thác tận dụng là rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 12/4/2023, đã được Chủ đầu tư dự án (Sở Giao thông vận tải) lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương CMĐSDR tại Văn bản số 1217/TTg-NN ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị và được UBND tỉnh Quảng Trị quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.

### **3. Mục đích khai thác**

Khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2024 để bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư là Sở Giao thông vận tải thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị.

## **III. ĐỊA DANH, DIỆN TÍCH VÀ TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA KHU RỪNG KHAI THÁC**

### **1. Vị trí và ranh giới**

#### **1.1. Vị trí, địa danh**

Diện tích rừng tự nhiên đưa vào lập Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị đưa vào khai thác năm 2024 là rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh từ chưa có trữ lượng đến giàu hiện Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải đang quản lý, trong đó:

+ Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh giàu với diện tích là 9,3178 ha, gồm 02 lô, diện tích có trữ lượng thiết kế khai thác là 9,3178 ha, cụ thể các lô: Lô 1 (lô CMĐSDR: 1), 3 (lô CMĐSDR: 3, 4), khoảnh 1, tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

+ Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh trung bình với diện tích là 1,3981 ha, gồm 01 lô, diện tích có trữ lượng thiết kế khai thác là 1,3981 ha, cụ thể lô: Lô 5 (lô CMĐSDR: 6,7), khoảnh 4, tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

+ Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh nghèo với diện tích là 1,5795 ha, gồm 01 lô, diện tích có trữ lượng thiết kế khai thác là 1,5795 ha, cụ thể lô:

Lô 3 (lô CMĐSDR: 4), khoảnh 4, tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

+ Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt với diện tích là 1,7891 ha, gồm 07 lô, diện tích có trữ lượng thiết kế khai thác là 1,7891 ha, cụ thể các lô: Lô 1 (lô CMĐSDR: 6, 8), khoảnh 10, tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; Lô 2 (lô CMĐSDR: 2), khoảnh 1; lô 1 (lô CMĐSDR: 2), 2 (lô CMĐSDR: 3), khoảnh 3; lô 1 (lô CMĐSDR: 1), 2 (lô CMĐSDR: 2, 3), lô 4 (lô CMĐSDR: 5) khoảnh 4, tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

+ Rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh chưa có trữ lượng với diện tích là 0,0345 ha, gồm 01 lô, diện tích có trữ lượng thiết kế khai thác là 0,0345 ha, cụ thể lô: Lô 4 (lô CMĐSDR: 5), khoảnh 1, tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

### **1.2. Ranh giới**

Rừng tự nhiên tại tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị có ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp rừng tự nhiên, đất trồng.
- Phía Nam giáp rừng tự nhiên và khe suối.
- Phía Đông giáp rừng tự nhiên và đất trồng.
- Phía Tây giáp rừng tự nhiên và rừng trồng.

### **2. Diện tích rừng tự nhiên đưa vào khai thác tận dụng**

- Tổng số lô thiết kế khai thác tận dụng: 12 lô.
- Diện tích rừng có trữ lượng khai thác tận dụng: 14,1190 ha nằm trong tổng diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương CMĐSDR tại Văn bản số 1217/TTg-NN ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị và được UBND tỉnh Quảng Trị quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, rừng tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.

### **3. Đặc điểm lập địa và giao thông vận tải**

- Địa hình, địa thế: Khu vực khai thác thuộc kiểu địa hình dạng núi trung bình, địa hình chia cắt lớn, với độ cao tuyệt đối cao nhất 560 m, độ cao tương đối 40 - 100 m. Độ dốc bình quân trên 35°.

- Thổ nhưỡng: Đất đai khu vực khai thác chủ yếu là Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất, thành phần cơ giới là thịt trung bình, tỷ lệ đá lẫn, kết von < 20%, độ dày tầng đất từ 50 - 100 cm.

- Khí hậu thủy văn: Theo số liệu của Đài khí tượng thủy văn khu vực và các Trạm đặt tại Quảng Trị. Lượng mưa bình quân hàng năm 2.376 mm, phần lớn tập trung từ tháng 9 đến tháng 11 (chiếm 70% lượng mưa cả năm). Nhiệt độ bình quân hàng năm 24,60C) và tháng nóng nhất là tháng 7 (nhiệt độ trung bình khoảng 29,60C). Tổng nhiệt lượng của cả năm là 8.890 Kcal. Độ ẩm không khí bình quân 82%.

- Giao thông: Hệ thống đường giao thông mới chỉ có đường đất đến sát khu vực thiết kế, khu vực thiết kế nằm cách biệt, có địa hình phức tạp, hiểm trở, độ dốc lớn

chưa có đường đến các lô rừng. Để vận xuất, vận chuyển được các sản phẩm gỗ, củi trong khu vực khai thác tận dụng, dự kiến đơn vị khai thác sẽ tiến hành thi công tạo đường tạm công vụ phục vụ khai thác trong ranh giới khu vực đã được chuyển mục đích sử dụng rừng để ô tô 2 cầu đi được, tiến hành chặt đến đâu là vận xuất, vận chuyển đến đó. Kinh phí mở đường tạm do đơn vị khai thác vận dụng trong chi phí khai thác, vận xuất, vận chuyển. Trường hợp không có điều kiện mở đường thì thực hiện lao xeo, vác bộ hoặc sử dụng trâu kéo gỗ, củi.

#### **IV. HIỆN TRẠNG RỪNG TỰ NHIÊN VÀ CÁC CHỈ TIÊU LÂM HỌC CỦA KHU RỪNG ĐƯA VÀO KHAI THÁC TẬN DỤNG**

##### **1. Nội dung và phương pháp điều tra đo đếm và tính toán các chỉ tiêu**

Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp chỉ mới quy định những vấn đề chung trong khai thác rừng mà chưa quy định cụ thể các bước, trình tự, phương pháp thực hiện thiết kế khai thác gỗ rừng tự nhiên, do vậy Trung tâm trên cơ sở các quy định tại Luật Lâm nghiệp 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Văn bản số 85/KL-ĐN ngày 8/6/2023 của Cục Kiểm lâm, Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc trả lời Văn bản số 1891/UBND-KT ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị, Văn bản số 744/SNN-KHTC ngày 13/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị về việc lập phương án khai thác gỗ loài thực vật thông thường từ rừng tự nhiên và vận dụng các văn bản hướng dẫn chi tiết có liên quan đang còn phù hợp của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh Quảng Trị và các tỉnh lân cận, của Sở Nông nghiệp và PTNT về điều tra, khảo sát, thiết kế khai thác rừng tự nhiên (do tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 nhiều nội dung không được quy định cụ thể nên trong quá trình thực hiện có tham khảo, kế thừa, vận dụng một số nội dung, quy định có tính chất kỹ thuật còn đang phù hợp với thực tế tại địa phương tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thiết kế khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên) để thực hiện với các nội dung chính như sau:

- Sơ thám, khảo sát rừng đưa vào thiết kế khai thác, nắm vị trí, địa điểm ở thực địa, đối chiếu với bản đồ địa hình tổng thể.

- Căn cứ diện tích rừng tự nhiên đã được UBND tỉnh phê duyệt quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024

xác định lại diện tích cây có  $D_{1,3} \geq 10\text{cm}$  của lô rừng đưa vào thiết kế khai thác trên nền địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Trong các lô thiết kế khai thác tiến hành lập các ô tiêu chuẩn (diện tích ô tiêu chuẩn  $1.000 \text{ m}^2$ :  $20\text{m} \times 50\text{m}$ ) mỗi lô lập 3 ô tiêu chuẩn điển hình đảm bảo số ô tiêu chuẩn có tỷ lệ tối đa là 2% diện tích khai thác, với những lô rừng có diện tích rừng có trữ lượng khai thác gỗ quá nhỏ (dưới 0,5 ha), cây phân bố rải rác không tập trung, biến động lớn, các dải rừng,... không lập ô tiêu chuẩn mà tiến hành đo đếm toàn diện tất cả các cây trong lô rừng đưa vào khai thác; trong ô tiêu chuẩn (trong lô đo đếm toàn diện) đo đếm các chỉ tiêu sau:

+ Đo đường kính ngang ngực ( $D_{1,3}$ ) toàn bộ số cây trong ô: Đo chu vi để xác định đường kính ở vị trí 1,3 m (đường kính ngang ngực) tính từ mặt cắt ngang của gốc cây; dụng cụ đo là thước thép hoặc thước dây, cấp kính bắt đầu đo từ 10 cm trở lên; đơn vị đo là centimet (cm), lấy số nguyên và một số hàng thập phân sau hàng đơn vị.

+ Đo chiều cao vút ngọn (H<sub>vn</sub>): Đo chiều dài toàn thân tính từ vị trí gốc cây sát mặt đất đến ngọn chính của cây gỗ; dụng cụ đo là thước Blumleiss, thước đo cao điện tử, sào đo cao,...; đo tất cả các cây trong các ô mẫu đại diện và toàn bộ các cây trong lô đo đếm toàn diện để xử lý bằng phần mềm chuyên dụng nhằm lập đường cong chiều cao, xác định tương quan H-D của khu rừng khai thác (lấy giá trị bình quân chiều cao theo từng cỡ đường kính để áp dụng tính toán chung cho toàn khu rừng khai thác), đơn vị đo là mét (m), lấy số nguyên và hai số hàng thập phân sau hàng đơn vị.

- Xác định phẩm chất cây: Tất cả các cây gỗ trong lô được xác định phẩm chất cây theo 3 loại như sau:

+ Cây có phẩm chất A: Cây sinh trưởng tốt, thân thẳng đẹp, đoạn thân dưới cành dài, không có u bướu khuyết tật ở trên thân, không sâu bệnh, rỗng ruột, khả năng lợi dụng gỗ trên 80% thể tích của thân cây.

+ Cây có phẩm chất B: Cây sinh trưởng trung bình, có những đoạn cong vênh, u bướu khuyết tật, sâu bệnh nhưng không nhiều, khả năng lợi dụng gỗ từ 60 - 80% thể tích của thân cây.

+ Cây có phẩm chất C: Cây sinh trưởng phát triển kém, cong queo, sâu bệnh, cụt ngọn, rỗng ruột, gãy đổ, khả năng lợi dụng gỗ dưới 60% thể tích của thân cây.

- Tính diện tích thực tế có cây rừng khai thác của các lô rừng đưa vào thiết kế theo kết quả định vị và giải đoán ảnh vệ tinh bằng phần mềm Mapinfo.

- Xác định khối lượng theo thể tích của các cây gỗ cá lẻ ( $\text{m}^3$ )

Công thức tính:  $V = (C_{1,3}^2/4\pi) \times H_{vn} \times f$

Trong đó:

+ V: Khối lượng gỗ được tính bằng thể tích ( $\text{m}^3$ ) lấy số nguyên và ba số thập phân sau số hàng đơn vị.

+  $C_{1,3}$ : Chu vi tại vị trí 1,3 của cây (m).

- $\pi$ : Hằng số pi ( $\pi=3,14$ ).
- Hvn: Chiều dài toàn cây đo từ gốc đến ngọn (m).
- f: Hình số thân cây (cây rừng tự nhiên giá trị của f bằng 0,45).

- Tính toán xử lý số liệu đo đếm các chỉ tiêu lâm học: Tính các giá trị: Đường kính bình quân (cm), chiều cao bình quân (m), mật độ bình quân (cây/ ha), trữ lượng bình quân ( $m^3/ha$ ) của khu rừng: Dùng phương pháp bình quân cộng hoặc bình quân gia quyền để tính toán giá trị bình quân chung cho toàn lâm phần và giá trị bình quân của từng cây gỗ có trong khu rừng thiết kế.

- Tính toán sản lượng khai thác: Đối với các lô lập 3 ô tiêu chuẩn điển hình, đo đếm toàn diện xác định sản lượng gỗ (gồm gỗ nguyên liệu và gỗ gia dụng), củi theo từng cấp kính trong 3 ô tiêu chuẩn rồi quy sản lượng gỗ (gồm gỗ nguyên liệu và gỗ gia dụng), củi theo từng cấp kính của toàn lô rừng. Đối với các lô đo đếm toàn diện xác định sản lượng gỗ (gồm gỗ nguyên liệu và gỗ gia dụng), củi theo từng cấp kính của toàn bộ cây cá lẻ trong lô.

## **2. Các nhân tố đặc trưng lâm phần (tính trên diện tích đưa vào khai thác tận dụng)**

### **2.1. Đường kính ( $D_{1.3}$ ) bình quân của lâm phần:**

Đường kính bình quân chung của lâm phần: 17,6 cm, trong đó:

- Đường kính bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 3: 20,4 cm
- Đường kính bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 4: 18,2 cm
- Đường kính bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 5: 19,3 cm
- Đường kính bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 6: 21,1 cm
- Đường kính bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 7: 19,0 cm
- Đường kính bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 8: 17,9 cm

### **2.2. Chiều cao (Hvn) bình quân của lâm phần:**

Chiều cao bình quân chung của lâm phần: 11,01 m, trong đó:

- Chiều cao bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 3: 12,36 m
- Chiều cao bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 4: 12,57 m
- Chiều cao bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 5: 12,01 m
- Chiều cao bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 6: 13,31 m
- Chiều cao bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 7: 10,83 m
- Chiều cao bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 8: 10,54 m

### **2.3. Mật độ (N/ha) bình quân của lâm phần:**

Mật độ bình quân chung của lâm phần: 628 cây/ha, trong đó:

- Mật độ bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 3: 77 cây/ha
- Mật độ bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 4: 27 cây/ha



- Mật độ bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 5: 239 cây/ha
- Mật độ bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 6: 64 cây/ha
- Mật độ bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 7: 170 cây/ha
- Mật độ bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 8: 51 cây/ha

#### **2.4. Tổng số cây chặt dự kiến:**

Tổng số cây chặt dự kiến: 8.865 cây, trong đó:

- Tổng số cây chặt dự kiến thuộc nhóm 3: 1.084 cây
- Tổng số cây chặt dự kiến thuộc nhóm 4: 386 cây
- Tổng số cây chặt dự kiến thuộc nhóm 5: 3.378 cây
- Tổng số cây chặt dự kiến thuộc nhóm 6: 898 cây
- Tổng số cây chặt dự kiến thuộc nhóm 7: 2.401 cây
- Tổng số cây chặt dự kiến thuộc nhóm 8: 718 cây

#### **2.5. Trữ lượng (M/ha) bình quân:**

Trữ lượng bình quân chung của lâm phần: 229,655 m<sup>3</sup>/ha, trong đó:

- Trữ lượng bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 3: 34,589 m<sup>3</sup>/ha
- Trữ lượng bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 4: 8,6923 m<sup>3</sup>/ha
- Trữ lượng bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 5: 94,989 m<sup>3</sup>/ha
- Trữ lượng bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 6: 24,944 m<sup>3</sup>/ha
- Trữ lượng bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 7: 42,878 m<sup>3</sup>/ha
- Trữ lượng bình quân chung của cây gỗ thuộc nhóm 8: 23,562 m<sup>3</sup>/ha

#### **2.6. Tổng trữ lượng rừng dự kiến:**

Tổng trữ lượng rừng dự kiến: 3.242,495 m<sup>3</sup>, trong đó:

- Trữ lượng dự kiến của cây gỗ thuộc nhóm 3: 488,365 m<sup>3</sup>
- Trữ lượng dự kiến của cây gỗ thuộc nhóm 4: 122,728 m<sup>3</sup>
- Trữ lượng dự kiến của cây gỗ thuộc nhóm 5: 1.341,152 m<sup>3</sup>
- Trữ lượng dự kiến của cây gỗ thuộc nhóm 6: 352,183 m<sup>3</sup>
- Trữ lượng dự kiến của cây gỗ thuộc nhóm 7: 605,391 m<sup>3</sup>
- Trữ lượng dự kiến của cây gỗ thuộc nhóm 8: 332,676 m<sup>3</sup>

#### **2.7. Tổ thành rừng**

Giẻ gai 24,7%; Chua khét 8,3%; Ngát 6,3%; Thành ngành hôi 5,1%; Nang 5,0%; Bời lời giấy 4,2%; Dàng 3,6%; Thị rừng 3,5%; Vạng trứng 2,9%; Chôm chôm 2,6%; Thàn mát 2,6%; Bời lời 2,6%; Trám trắng 2,4%; Mò cua 2,3%; Thầu tầu 2,3%; Trường 2,2%; Côm tàng 1,9%; Sến bo bo 1,7%, Ba soi 1,5%; Phay 1,4%, Máu chó 1,4%; Quế 1,4%; Dầu da xoan 1,1%; Giỏi 1,0%; cây khác (Sung, Xoài, Sô bà, Sôi bắc, Lòng mang ...) 8,0%.

(Chi tiết từng lô xem biểu 01 ở phần phụ lục)

### **3. Đánh giá chung về rừng khai thác tận dụng**

*Trần*

Căn cứ vào các chỉ tiêu lâm học của rừng tự nhiên, đây là khu rừng được xác định là rừng tự nhiên thứ sinh núi đất lá rộng thường xanh giàu, trung bình, nghèo, nghèo kiệt và chưa có trượng với mật độ hiện còn 628 cây/ha, cây sinh trưởng và phát triển bình thường, thành phần chủ yếu là cây ít có giá trị (yếu là cây nhóm III đến nhóm VIII). Tổ thành rừng không có các loài cây quý hiếm, có tầng tán, loài cây chủ yếu là Giẻ gai, Ngát, Lành ngạnh hôi, Nang, Bời lời giấy, Dàng, Thị rừng.... Là những loài gỗ tạp, kém chất lượng, giá trị thấp.

Thực bì khu vực thiết kế khai thác tận dụng chủ yếu là dạng dây leo, cây bụi, thực bì phi mục đích: Cây bụi hỗn hợp, chủ yếu các loại như Găng gai, Ngát, lau lách cây tái sinh... phát triển tốt, một số loài dây leo phát triển phủ lên trên tán cây rừng; Nhóm thực bì này chủ yếu là các dạng cây sống ký sinh, phụ sinh, dây leo, thất nghệt. Thảm thực bì có chiều cao bình quân từ > 2,0 m, tỷ lệ che phủ >70%. Căn cứ vào Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực bì khu vực thiết kế khai thác tận dụng được xếp nhóm 3.

Toàn bộ diện tích đưa vào khai thác tận dụng là rừng tự nhiên quy hoạch rừng phòng hộ (13,7001 ha) và quy hoạch rừng sản xuất (0,4189 ha) theo Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đã được Chủ đầu tư dự án lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương CMĐSDR tại Văn bản số 1217/TTg-NN ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị và được UBND tỉnh Quảng Trị quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.

## V. PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU TRONG KHAI THÁC TẬN DỤNG RỪNG TỰ NHIÊN

### 1. Phương thức khai thác tận dụng

Phương thức khai thác tận dụng được chọn là khai thác trắng trên toàn lô rừng để bàn giao mặt bằng thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị.

### 2. Phương pháp tính sản phẩm, phân nhóm và khối lượng riêng gỗ, củi

#### 2.1. Phương pháp tính sản phẩm gỗ, củi

##### a) Quy cách của sản phẩm gỗ, củi.

- Gỗ lớn (gỗ vừa, gỗ gia dụng): Được sử dụng để sản xuất đồ mộc gia dụng, gỗ xẻ xây dựng, gỗ bao bì,...: Có đường kính đầu nhỏ tối thiểu từ 16 cm (cả vỏ, tương đương với 15 cm không vỏ), chiều dài từ 2 m trở lên.

- Gỗ nhỏ (gỗ nguyên liệu): Trên thị trường hiện nay được sử dụng làm gỗ nguyên liệu dăm giấy, ván nhân tạo MDF, ván dăm, viên nén,...: Có đường kính đầu nhỏ tối thiểu từ 10 cm (cả vỏ), chiều dài 1 đến 2 m.

- Củi: Trên thị trường hiện nay được sử dụng làm củi đốt lò, sinh hoạt gia đình,...: Có đường kính đầu nhỏ tối thiểu 2 cm (cả vỏ), chiều dài 0,5 đến 2,0 m.

*b) Phương pháp tính sản phẩm*

Căn cứ quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; Văn bản số 85/KL-ĐN ngày 8/6/2023 của Cục Kiểm lâm, Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc trả lời Văn bản số 1891/UBND-KT ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị (việc xác định tỷ lệ và khối lượng từng loại sản phẩm gỗ, củi cụ thể tùy thuộc vào hoạt động khai thác, chế biến thực tế của chủ rừng, chủ lâm sản); Văn bản số 744/SNN-KHTC ngày 13/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị về việc lập phương án khai thác gỗ loài thực vật thông thường từ rừng tự nhiên và quy cách sản phẩm của gỗ, củi rừng phổ biến trên thị trường hiện nay. Thực hiện Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 13/2/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí Điều tra, khảo sát xây dựng quy trình lập hồ sơ thiết kế, dự toán (phương án) khai thác, tía thưa nuôi dưỡng, thanh lý rừng trồng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Trung tâm được giao nhiệm vụ xây dựng quy trình nói trên, đến nay việc xây dựng quy trình đã hoàn thành các nội dung theo yêu cầu, ngày 15/12/2023, Trung tâm đã có Báo cáo số 166/BC-TTĐTQH về kết quả Điều tra, khảo sát xây dựng quy trình lập hồ sơ thiết kế, dự toán (phương án) khai thác, tía thưa nuôi dưỡng, thanh lý rừng trồng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị kèm theo dự thảo Quy trình và đã được Sở Nông nghiệp và PTNT lấy ý kiến của các Sở, ngành, địa phương tại Văn bản số 103/SNN-KHTC ngày 10/1/2024 để xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành. Hiện tại chưa có văn bản, quy phạm pháp luật quy định về cách tính sản phẩm gỗ, củi từ rừng nhiên, Trung tâm vận dụng phương pháp tính sản phẩm gỗ, củi rừng tự nhiên như cách tính sản phẩm gỗ, củi rừng trồng theo Quy trình khai thác mà Trung tâm đã xây dựng. Tại dự thảo Quy trình đang trình phê duyệt, các sản phẩm gỗ, củi được tính như sau:

Để tính tỷ lệ lợi dụng gỗ cho 1 lô rừng/khu rừng cụ thể, khi điều tra phải xác định phẩm chất cây. Phẩm chất cây được phân làm 3 loại A, B, C có tiêu chí như sau:

- Tỷ lệ lợi dụng gỗ theo phẩm chất cây (TLGPC):
  - + Cây có phẩm chất A: Tỷ lệ lợi dụng gỗ chung là 83% (so với tổng thể tích cây đứng)
  - + Cây có phẩm chất B: Tỷ lệ lợi dụng gỗ chung là 74% (so với tổng thể tích cây đứng)
  - + Cây có phẩm chất C: Tỷ lệ lợi dụng gỗ chung là 55% (so với tổng thể tích cây đứng)
- Tỷ lệ lợi dụng củi (TLC):
  - + Cây có phẩm chất A: Tỷ lệ lợi dụng củi chung là 10% (so với tổng thể tích cây đứng)
  - + Cây có phẩm chất B: Tỷ lệ lợi dụng củi chung là 15% (so với tổng thể tích cây đứng)
  - + Cây có phẩm chất C: Tỷ lệ lợi dụng củi chung là 25% (so với tổng thể tích cây đứng)
- Tỷ lệ lợi dụng gỗ gia dụng (TLGGD): Tính bằng sản lượng gỗ dự kiến lấy ra của cây có  $D_{1,3m}$  từ 16 cm trở lên; tỷ lệ lợi dụng được xác định như sau:

Cấp kính ( $D_{1.3}$ – cm)	Cây Tự nhiên các loại
	Tỷ lệ gỗ gia dụng tương ứng $D_{dn} \geq 16$ cm (%)
< 16	0
Từ 16 đến < 18	10
Từ 18 đến < 20	15
Từ 20 đến < 22	35
Từ 22 đến < 24	50
Từ 24 đến < 26	55
Từ 26 đến < 28	60
Từ 28 đến < 30	65
Từ 30 đến < 32	75
$\geq 32$	80

- Tính sản phẩm gỗ gia dụng (gỗ xẻ):  $TLGPC \times TLGGD \times$  Thể tích cây theo từng cấp kính trong từng lô thiết kế khai thác. Khối lượng sản phẩm gỗ gia dụng được tính là gỗ có đường kính đầu nhỏ (cả vỏ) từ 16 cm trở lên ( $D_{DN} \geq 16$  cm).

- Tính sản phẩm gỗ nguyên liệu: Sản lượng gỗ chung theo phẩm chất - Sản lượng gỗ gia dụng theo từng cấp kính trong từng lô thiết kế khai thác. Khối lượng sản phẩm gỗ nguyên liệu được tính là gỗ có đường kính đầu nhỏ (cả vỏ) từ 10 đến dưới 16 cm ( $10 \text{ cm} \leq D_{DN} < 16 \text{ cm}$ ).

- Tính sản phẩm củi:  $TLC \times$  Thể tích cây theo từng cấp kính trong từng lô thiết kế khai thác. Khối lượng sản phẩm củi được tính là gỗ có đường kính đầu nhỏ (cả vỏ) từ 2 đến dưới 10 cm ( $2 \text{ cm} \leq D_{DN} < 10 \text{ cm}$ ).

## 2.2. Phân nhóm gỗ theo độ cứng và khối lượng riêng gỗ, củi

- Phân nhóm gỗ, củi theo độ cứng: Căn cứ Bảng phân nhóm ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) quy định bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước, các loài cây trong khu vực thiết kế chủ yếu từ nhóm II đến nhóm VIII. Để đơn giản và thuận tiện cho việc tính toán, đề xuất phân vào nhóm gỗ có độ cứng “vừa” khi tính định mức dự toán cho toàn bộ cây rừng khai thác.

- Khối lượng riêng gỗ, củi (D): Là khối lượng thể tích (tính bằng  $\text{g}/\text{cm}^3$  hoặc tấn( $\text{kg}$ )/ $\text{m}^3$ ). Theo quy định tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản “việc quy đổi từ  $\text{kg}$  ra  $\text{m}^3$  gỗ tròn thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12619-2:2019 về tính chất vật lý và cơ học gỗ”, trường hợp gỗ không được quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12619-2:2019 thì quy đổi 1.000 kg bằng 01  $\text{m}^3$  gỗ tròn hoặc quy đổi 01 ster bằng 0,7  $\text{m}^3$  gỗ tròn. Để đơn giản và thuận tiện cho việc tính toán, đề xuất quy đổi khối lượng riêng gỗ, củi cây rừng tự nhiên dự kiến khai thác là 01  $\text{m}^3$  gỗ tròn, củi bằng 1.000 kg (01 tấn).

## VI. SẢN LƯỢNG DỰ KIẾN KHAI THÁC TẬN DỤNG

1. Diện tích rừng có trữ lượng khai thác tận dụng: 14,1190 ha.
2. Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng: 8.865 cây, trong đó:

- + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 3: 1.084 cây.
  - + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 4: 386 cây.
  - + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 5: 3.378 cây.
  - + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 6: 898 cây.
  - + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 7: 2.401 cây.
  - + Tổng số cây dự kiến khai thác tận dụng thuộc nhóm 8: 718 cây.
3. Tổng trữ lượng dự kiến khai thác: 3.242,495 m<sup>3</sup>, trong đó:
- + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 3: 488.365 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 4: 122,728 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 5: 1.341,152 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 6: 352,183 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 7: 605,391 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng trữ lượng dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 8: 332,676 m<sup>3</sup>.
4. Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng: 2.845,619 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 2.408,172 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 1.618,083 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 790,089 m<sup>3</sup>); củi: 437,447 m<sup>3</sup>, trong đó:
- + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 3: 436,239 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 366,059 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 244,215 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 121,844 m<sup>3</sup>); củi: 70,180 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 4: 112,558 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 98,394 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 67,202 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 31,192 m<sup>3</sup>); củi: 14,164 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 5: 1.192,594 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 993,580 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 668,954 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 324,626 m<sup>3</sup>); củi: 199,014 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 6: 299,053 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 262,241 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 180,348 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 81,893 m<sup>3</sup>); củi: 36,812 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 7: 513,909 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 450,999 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 286,177 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 164,822 m<sup>3</sup>); củi: 62,910 m<sup>3</sup>.
  - + Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác tận dụng của cây gỗ thuộc nhóm 8: 291,266 m<sup>3</sup>, gồm; Gỗ: 236,899 m<sup>3</sup> (gỗ gia dụng: 171,187 m<sup>3</sup>, gỗ nguyên liệu: 65,712 m<sup>3</sup>); củi: 54,367 m<sup>3</sup>.

(Kèm theo biểu tài nguyên và các chỉ tiêu lâm học)

Sản phẩm gỗ, củi chi tiết như sau:

Vị trí thiết kế khai thác	Nhóm gỗ khai thác	Tổng sản lượng dự	Gỗ thương phẩm (m <sup>3</sup> )			Củi tận dụng (m <sup>3</sup> )
			Cộng	Gỗ GD	Gỗ NL	

		<b>kiến (m<sup>3</sup>)</b>				
<b>Tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh</b>	- Nhóm 3	0,529	0,364	0,166	0,198	0,165
	- Nhóm 4	0,403	0,277	0,126	0,151	0,126
	- Nhóm 5	1,707	1,252	0,426	0,826	0,455
	- Nhóm 6	1,820	1,460	1,122	0,338	0,360
	- Nhóm 7	0,503	0,402	0,070	0,332	0,101
	- Nhóm 8	0,402	0,276	0,085	0,191	0,126
<b>Cộng xã Vĩnh Ô</b>		<b>5,364</b>	<b>4,031</b>	<b>1,995</b>	<b>2,036</b>	<b>1,333</b>
<b>Tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh</b>	- Nhóm 3	435,710	365,695	244,049	121,646	70,015
	- Nhóm 4	112,155	98,117	67,076	31,041	14,038
	- Nhóm 5	1.190,887	992,328	668,528	323,800	198,559
	- Nhóm 6	297,233	260,781	179,226	81,555	36,452
	- Nhóm 7	513,406	450,597	286,107	164,490	62,809
	- Nhóm 8	290,864	236,623	171,102	65,521	54,241
<b>Cộng xã Linh Trường</b>		<b>2.840,255</b>	<b>2.404,141</b>	<b>1.616,088</b>	<b>788,053</b>	<b>436,114</b>
<b>Cộng</b>	- Nhóm 3	436,239	366,059	244,215	121,844	70,180
	- Nhóm 4	112,558	98,394	67,202	31,192	14,164
	- Nhóm 5	1.192,594	993,580	668,954	324,626	199,014
	- Nhóm 6	299,053	262,241	180,348	81,893	36,812
	- Nhóm 7	513,909	450,999	286,177	164,822	62,910
	- Nhóm 8	291,266	236,899	171,187	65,712	54,367
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.845,619</b>	<b>2.408,172</b>	<b>1.618,083</b>	<b>790,089</b>	<b>437,447</b>

## **VII. CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT KHAI THÁC TẬN DỤNG VÀ CÁC HẠNG MỤC CÔNG VIỆC LIÊN QUAN**

### **1. Chuẩn bị rừng trước khai thác tận dụng**

- Giao nhận rừng trước khi khai thác tận dụng.
- Sửa sang đường vận xuất, vận chuyển (san lấp, gia cố các chỗ lầy, phát quang 2 bên, ...).
- Luống phát cây bụi, thăm tưới trước khi chặt rừng:
  - + Khu vực rừng tự nhiên đưa vào khai thác có thực bì chủ yếu là Găng gai, Ngây, Lau lách, dây leo, Tre nứa, cây tái sinh,... phát triển tốt, một số loài dây leo phát triển phủ lên trên tán cây rừng, tỉ lệ che phủ > 70%, chiều cao bình quân >2,0 m.

*Trần*

Căn cứ vào định mức ban hành theo Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, thực bì tại các lô rừng đưa vào thiết kế khai thác được xếp vào nhóm 3.

+ Luống phát trên diện tích giải tỏa, chừa lại những cây có đường kính trên 10 cm, gốc phát còn lại cao không quá 20 cm.

+ Diện tích cần luống phát vệ sinh rừng (để đảm bảo an toàn lao động theo quy trình của ngành lâm nghiệp) khoảng 20 - 40% diện tích.

## **2. Chặt hạ, cắt khúc, lao, vác, cò kéo trong lô**

- Chặt hạ cây, cắt ngọn, cành nhánh. Phân đoạn (cắt khúc) theo từng loại gỗ (đối với gỗ nhỏ (gỗ nguyên liệu) dùng làm nguyên liệu dăm giấy, ván nhân tạo MDF, ván dăm, viên nén,... có chiều dài 1 – 2 m, đối với gỗ vừa (gỗ gia dụng) được sử dụng để sản xuất đồ mộc gia dụng, gỗ xẻ xây dựng, gỗ bao bì,... có chiều dài từ 1 – 2 m trở lên, tùy theo mục đích sử dụng và yêu cầu cơ sở thu mua). Lao, vác, cò kéo (tùy theo kích thước gỗ, củi, ...) gom tập trung ra trung tâm/mép lô để vận xuất ra bãi tập kết gỗ trước khi bốc lên xe vận chuyển đến nơi tiêu thụ. Quy cách gỗ, củi tương đương quy cách gỗ chống lòi. Cự ly lao, vác, cò kéo gom gỗ ra giữa lô bình quân chung là từ 50 m đến 100 m.

- Khi chặt, chiều cao gốc chặt nhỏ hơn hoặc bằng 1/2 đường kính gốc để bảo đảm tận thu được sản phẩm.

- Chỉ chặt trong lô đã thiết kế, không chặt ra ngoài ranh giới lô.

- Chặt đến đâu tiến hành gom, vận xuất, vận chuyển đến đó, không để gỗ tồn đọng trong rừng quá 15 ngày sau khi chặt.

- Có kế hoạch tận thu sản phẩm, tận dụng cành ngọn và cành lớn làm củi.

- Khi chặt cây phải mở miệng cho đổ vào phía trong lô khai thác để khỏi ảnh hưởng đến cây của rừng ngoài khu khai thác.

## **3. Vệ sinh, bàn giao sau khai thác tận dụng**

Sau khi khai thác tận dụng xong phải tiến hành bàn giao lại hiện trường giữa đơn vị thi công với chủ rừng và các cơ quan có thẩm quyền.

## **4. Dự kiến đường và cự ly vận xuất, vận chuyển sản phẩm khai thác tận dụng**

### **4.1. Cự ly vận xuất**

Khu vực rừng khai thác tận dụng nằm trải dài trên nhiều lô, khoảnh, tiểu khu, có địa hình phức tạp, chia cắt, phía trên nhiều lô chưa có đường ô tô đến tận lô rừng, phía dưới dựa vào đường tạm thi công, đường lại rất dốc, ô tô hầu như không đi lại được nên việc vận chuyển sản phẩm xe không tới được tận lô rừng mà phải vác bộ với cự ly lớn, dốc. Theo quy định việc xác định các bãi gom gỗ phải nằm trên các tuyến đường ô tô đến được, do đó trong điều kiện chưa thể bố trí kinh phí để mở đường đến tận khu rừng, lô rừng, phải tính cự ly vận xuất vào dự toán (lao xeo, vác bộ, trâu kéo,... gỗ, củi từ giữa lô rừng đến các bãi gom gỗ, củi nằm dọc đường ô tô vào được). Đồng thời đề nghị các cơ quan chức năng khi thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí khai thác cho phép vận dụng định mức vận xuất, vận chuyển có tính đến hệ số khó khăn. Cự ly vận xuất bình quân chung từ các lô rừng ra bãi gom gỗ (dự kiến) chung cho toàn bộ khu vực thiết kế khai thác khoảng 0,3 km.

#### **4.2. Cụ ly vận chuyển sản phẩm sau khai thác tận dụng**

Tổng cự ly vận chuyển đường bộ tính bình quân cho toàn bộ khu rừng tại tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị đến Nhà máy MDF VRG Quảng Trị tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị khoảng 71 km, gồm: 14 km đường đất trên loại 5, 21 km đường nhựa xếp loại 4, 34 km đường nhựa xếp loại 3; 2 km đường nhựa xếp loại 1, trong đó:

+ Cụ ly vận chuyển đường bộ tính bình quân cho toàn bộ khu rừng tại tiểu khu 580, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; tiểu khu 600T, xã Linh Trường, huyện Gio Linh ra đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (ngã tư đất, thị trấn Bến Quan) khoảng: 41 km (gồm 14 km đường đất (trên loại 5), 21 km đường nhựa liên xã (xếp loại 4) và 06 km đường nhựa (xếp loại 3));

+ Cụ ly vận chuyển đường bộ từ đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (ngã tư đất, thị trấn Bến Quan) đến Nhà máy MDF VRG Quảng Trị tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị khoảng: 30 km (28 km đường nhựa (xếp loại 3) và 2 km đường nhựa (xếp loại 1)).

Đây là Phương án tối ưu để tính toán chi phí khai thác, những phương án khác do các cơ quan có thẩm quyền lựa chọn và tính toán cụ thể.

#### **5. Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng**

- Thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng, thực hiện các biện pháp kiểm tra không để người không có phận sự vào khu vực rừng tự nhiên khai thác gây phá hoại, có biện pháp xử lý kịp thời và dứt điểm đối với những trường hợp vi phạm.

- Tại khu rừng đưa vào khai thác có rừng tự nhiên xung quanh, nên Chủ rừng và đơn vị khai thác phải hết sức chú ý canh giữ lửa rừng. Phải dùng lửa cẩn thận, tuần tra, trực canh lửa rừng, không cho người mang lửa vào đốt tại khu vực thi công, khi có cháy phải kịp thời cứu chữa và báo cáo ngay cho cơ quan chức năng để chữa cháy.

### **III. THÀNH QUẢ**

Hồ sơ Phương án được lập thành 7 bộ, mỗi bộ gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt Phương án.
- Báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng.
  - Biên bản bàn giao kết quả điều tra, khảo sát.
  - Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng.
  - Bản đồ thiết kế khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng (tỷ lệ 1/5.000).
  - Biểu tổng hợp tài nguyên và các chỉ tiêu lâm học chủ yếu.
  - Biểu chi tiết địa danh, diện tích và khối lượng lâm sản khai thác tận dụng.
  - Biểu tổng hợp sản lượng gỗ, củi phân theo loại sản phẩm.



#### IV. KIẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT

- Phương án Khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị - năm 2024 được lập dựa trên những văn bản hướng dẫn mới nhất của Nhà nước và kết quả điều tra, đo đếm, khảo sát thực tế tại khu rừng.

- Sau khi khai thác rừng xong đề nghị bàn giao khu đất cho Chủ đầu tư để thực hiện thi công dự án Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị.

- Phân Dự toán chi phí và giá trị cây đứng sẽ được lập và trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt sau khi Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt phương án khai thác.

- Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị xem xét phê duyệt Phương án./.

Vĩnh Linh, ngày 06 tháng 6 năm 2024

**Đơn vị tư vấn lập Phương án**  
TRUNG TÂM ĐIỀU TRA QHTK NÔNG-LÂM QT    **Đơn vị chủ rừng**  
BAN QUẢN LÝ RPH LƯU VỰC SÔNG BẾN HẢI  
GIÁM ĐỐC *T.N*    KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Công Nam



Hoàng Duy Quang

**PHÊ DUYỆT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢNG TRỊ**

Quảng Trị, ngày 28 tháng 6 năm 2024



Phan Văn Phước